

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-PT

Ngày 13/01/2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh Th;

Địa chỉ: Số 1194/5, Quốc lộ X (nay là đường V), khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc D; địa chỉ: Số 92, đường T, khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2024). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Quách Thành L;

Địa chỉ: Số 24/7, đường L, khóm L, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Số 24/7, đường L, khóm L, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc

Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Thanh Th - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn ông Ngô Thanh Th và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Quốc D đều trình bày:

Ông Th quen biết thân tình với ông L nên có cho ông L vay tiền để lo sinh hoạt cho gia đình với số tiền tổng cộng 1.095.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 08/10/2022 vay 20.000.000 đồng; ngày 21/10/2022 vay 10.000.000 đồng; ngày 14/11/2022 vay 50.000.000 đồng; ngày 19/12/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 21/01/2023 vay 50.000.000 đồng; ngày 04/02/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 13/02/2023 vay 50.000.000 đồng; ngày 23/02/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 15/03/2023 vay 30.000.000 đồng; ngày 06/4/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 08/4/2023 vay 45.000.000 đồng; ngày 23/4/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 02/5/2023 vay 10.000.000 đồng; ngày 05/5/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 19/5/2023 vay 10.000.000 đồng; ngày 26/5/2023 vay 15.000.000 đồng; ngày 08/6/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 12/6/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 28/6/2023 vay 15.000.000 đồng; ngày 09/7/2023 vay 15.000.000 đồng; ngày 22/7/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 02/8/2023 vay 10.000.000 đồng; ngày 15/8/2023 vay 50.000.000 đồng; ngày 27/8/2023 vay 15.000.000 đồng; ngày 06/9/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 03/10/2023 vay 35.000.000 đồng. 26 lần vay này số tiền là 595.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, chỉ thỏa thuận miệng, không có làm biên nhận.

Riêng ngày 15/8/2023, ông L còn vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, ông L có làm biên nhận mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 05%/100.000.000 đồng/03 tháng.

Ông L hứa đến ngày 15/11/2023 sẽ trả vốn, lãi cho ông Th, nhưng đến đầu tháng 11/2023, ông Th nhiều lần điện thoại liên lạc với ông L để nhắc gần đến hạn trả nợ thì không liên lạc được.

Nay ông Th yêu cầu vợ chồng ông L, bà H trả số tiền vốn vay và tiền lãi, cụ thể:

- Số tiền vốn vay 26 lần 595.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 15/9/2023 đến ngày 15/8/2024, lãi suất 20%/năm, với số tiền 108.647.000 đồng.

- Số tiền vốn vay 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/8/2023 và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2023 đến 15/8/2024, lãi suất 20%/năm, với số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi các lần vay là 1.303.647.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Thành L trình bày:

Ông thừa nhận có vay tiền của ông Th số tiền gốc 500.000.000 đồng theo tờ biên nhận mượn tiền ngày 15/8/2023. Tờ biên nhận này là tờ biên nhận được ghi tổng hợp các lần ông vay nợ của ông Th trước đây, ông chỉ nhớ lần đầu tiên ông vay 20.000.000 đồng, các lần khác không nhớ rõ hết, vì ông Th chỉ đưa tiền mặt mà không có cho ông ghi biên nhận nợ. Đến ngày 15/8/2023, ông Th chốt với ông tổng số nợ gốc là 500.000.000 đồng. Lúc cho vay, ông Th cho ông vay với lãi suất 10 lai/tháng (tức 10%/tháng), ông vay để chơi đánh bạc, nhưng ông nói với ông Th là vay để tiêu dùng cá nhân, ông vay cho người này người kia mượn lại, thực tế ông đi đá gà ăn tiền, ông không có đưa tiền gì cho bà H. Đối với phần lãi mà ông Th yêu cầu ông phải chịu 20%/năm thì ông xin được bỏ lãi, ông đồng ý trả nợ cho ông Th số tiền gốc 500.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Việc ông Th yêu cầu ông L và bà trả số tiền gốc 1.095.000.000 đồng và tiền lãi suất thì bà không đồng ý, vì từ trước đến nay ông Th và bà chưa hề quen biết với nhau, bà không có mượn nợ của ông Th và ông L cũng chưa có đưa cho bà bất kỳ số tiền gì. Do đó, bà không đồng ý liên đới cùng ông L trả nợ cho ông Th.

Tại Bản án số 223/2024/DS-ST ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Th. Buộc ông Quách Thành L có trách nhiệm trả cho ông Ngô Thanh Th số tiền còn nợ 556.025.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 56.025.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Th, về việc buộc ông Quách Thành L và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 757.975.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 14/10/2024, ông Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Th không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Th, trong giai đoạn phúc thẩm, ông Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới thể hiện ông L vay số tiền tổng cộng 1.095.000.000 đồng; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng ông vay tiền nhiều lần, không làm biên nhận nên không nhớ hết, ông Th chốt sổ và làm biên nhận 500.000.000 đồng thì ông ký tên vào, nếu cộng lại các lần vay với số tiền 595.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả cho ông Th số tiền này, chứ không đồng ý trả 1.095.000.000 đồng; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông L trả cho ông Th số tiền vốn vay 595.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với bà.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Ngô Thanh Th đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Ông Th cho rằng ông có cho ông L vay 27 lần với số tiền tổng cộng 1.095.000.000 đồng để phục vụ sinh hoạt gia đình, trong đó 26 lần vay từ ngày 08/10/2022 đến ngày 03/10/2023 không có làm biên nhận với số tiền 595.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, ông L trả lãi đến ngày 15/9/2023 thì ngưng và 01 lần vay vào ngày 15/8/2023 có làm biên nhận với số

tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 05%/100.000.000 đồng/03 tháng, ông L chưa trả lãi. Nay ông yêu cầu ông L và bà Nguyễn Thị H (vợ ông L) trả số tiền vay 595.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/9/2023 đến ngày 15/8/2024, lãi suất 20%/năm, với số tiền 108.647.000 đồng và số tiền vay 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/8/2023 đến ngày 15/8/2024, lãi suất 20%/năm với số tiền 100.000.000 đồng.

[5] Đối với ông L thì thừa nhận có vay tiền ông Th nhiều lần, chỉ nhớ lần đầu tiên mượn 20.000.000 đồng, các lần khác không nhớ hết, do không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, đến ngày 15/8/2023 hai bên chốt nợ, ông nợ ông Th tổng cộng 500.000.000 đồng, tờ biên nhận ngày 15/8/2023 là tờ biên nhận được ghi tổng hợp các lần ông mượn trước đây, ông đồng ý trả cho ông Th 500.000.000 đồng tiền vốn và xin ông Th bỏ phần tiền lãi.

[6] Như vậy, ông L không thừa nhận có vay của ông Th số tiền tổng cộng 1.095.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận vay số tiền 500.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 15/8/2023 (bút lục 49) khi hai bên chốt nợ. Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...*”. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông L vay của ông số tiền tổng cộng 1.095.000.000 đồng, mà chỉ cung cấp được biên nhận chứng minh ông L vay có 500.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm xác định ông L vay của ông Th số tiền 500.000.000 đồng và buộc ông L trả cho ông Th số tiền này là có cơ sở.

[7] Đối với tiền lãi, hai bên trình bày cũng không thống nhất với nhau và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chính xác thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, trả được cụ thể số tiền lãi là bao nhiêu nên cấp sơ thẩm xác định lãi suất 10%/năm và tính từ ngày làm biên nhận (tức ngày 15/8/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) với số tiền 56.025.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Mặt khác, bà H (vợ ông L) không đồng ý liên đới với ông L trả cho ông Th số tiền vay trên, do ông L vay bà không biết, ông L không có đưa tiền cho bà; ông L thừa nhận vay tiền để đi đá gà, chứ không có đưa cho bà H, ông Th cũng không chứng minh được ông L vay tiền để phục vụ sinh hoạt gia đình nên cấp sơ thẩm xác định đây là nợ riêng của ông L, không buộc bà H liên đới với ông L trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông Th là đúng quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Từ đó, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông L trả cho ông Th số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 56.025.000 đồng; đồng thời không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc buộc ông L, bà H trả số tiền 757.975.000 đồng là có căn cứ.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Th cho rằng ông Th có gửi tin nhắn cho ông L để xác nhận số tiền vay, ông L cũng thừa nhận nội dung tin nhắn này (bút lục 14), nội dung tin nhắn thể hiện số tiền ông L

vay các lần tổng cộng là 595.000.000 đồng, ngoài số tiền 500.000.000 đồng mà ông L đã làm biên nhận; còn ông L thì cho rằng ông vay tiền nhiều lần, không làm biên nhận nên không nhớ hết, ông Th chốt sổ và làm biên nhận 500.000.000 đồng thì ông ký tên vào, nếu cộng lại các lần vay với số tiền 595.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả cho ông Th số tiền này chứ không đồng ý trả 1.095.000.000 đồng. Mặc dù ông Th không cung cấp được chứng cứ gì mới, nhưng ông L cũng đồng ý trả cho ông Th số tiền vốn vay 595.000.000 đồng nên kháng cáo của ông Th là có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông L trả cho ông Th tiền vốn 595.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/8/2023 đến ngày 07/01/2025 (tức ngày xét xử phúc thẩm) với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) số tiền là 83.040.183 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc yêu cầu ông L, bà H trả số tiền vốn vay và tiền lãi 625.606.817 đồng.

[12] Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *“Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”* là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết này hướng dẫn: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với hướng dẫn này và rút kinh nghiệm chung đối với cấp sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết số 326) quy định: *“Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết này”*. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm

như sau: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết này thì “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.*”. Như vậy, ông Th phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của ông không được chấp nhận (625.606.817 đồng) là 29.024.272 đồng, ông L phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông Th đối với ông L được chấp nhận (678.040.183 đồng) là 31.121.607 đồng.

[14] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 thì ông Th không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thanh Th.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Th. Buộc ông Quách Thành L có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh Th số tiền vay 595.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 07 tháng 01 năm 2025 là 83.040.183 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm tám mươi ba đồng), tổng cộng 678.040.183 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2025, ông Quách Thành L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Th về việc yêu cầu ông Quách Thành L và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho ông số tiền vay và tiền lãi 625.606.817 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn tám trăm mười bảy đồng).

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Thanh Th phải chịu là 29.024.272 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.793.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001483 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 5.231.272 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi một nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Ông Quách Thành L phải chịu là 31.121.607 đồng (Ba mươi một triệu một trăm hai mươi một nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Thanh Th không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002137 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm